HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 13 /2008/NQ-HĐND	*Buôn Ma Thuột, ngày 11 tháng 7 năm 2008*

CÔNG VĂN ĐẾN Số 213
Ngày 01 tháng 8 năm 08

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định tiêu chí phân bổ vốn đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2009 - 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg, ngày 10/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010; Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT-UBDT-KHĐT-TC-XD-NNPTNT, ngày 08/8/2006 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Xét Tờ trình số 33/TTr-UBND, ngày 10/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định tiêu chí phân bổ vốn đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2009 - 2010; Báo cáo thẩm tra số 08/BC-KTNS, ngày 07/7/2008 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định tiêu chí phân bổ vốn đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2009 - 2010, cụ thể như sau:

A. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng:

I. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư cho xã đặc biệt khó khăn:

1. Các nội dung làm căn cứ phân bổ vốn đầu tư:

a) Các nội dung xem xét để tính điểm:

- Dân số trên địa bàn;
- Số buôn thôn trong xã;
- Thành phần dân tộc cư trú;

- Tiêu chí đặc thù:

+ Xã biên giới;

+ Xã thuộc địa bàn các huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh;

+ Khoảng cách từ trung tâm huyện đến trung tâm xã;

+ Xã mới thực hiện Chương trình 135;

b) Những nội dung xem xét để trừ điểm:

- Khu vực theo trình độ phát triển;

- Xã đã được đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã;

2. Xác định điểm chi tiết từng nội dung:

- Dân số trên địa bàn: 1.000 dân được tính 01 điểm, thêm 100 dân được cộng 0,1 điểm (lấy tròn theo 100 dân);

- Thành phần dân tộc: dân số xã có 5% là dân tộc thiểu số được tính 0,1 điểm (5% ≈ 0,1; 10% ≈ 0,2; ...); trong số dân tộc thiểu số, có 5% là dân tộc thiểu số tại chỗ được cộng thêm 0,1 điểm (5% ≈ 0,1; 10% ≈ 0,2; ...);

- Số buôn thôn: mỗi buôn, thôn được tính 0,2 điểm;

- Tiêu chí đặc thù:

+ Xã biên giới: tính 01 điểm;

+ Xã thuộc địa bàn các huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh: tính 01 điểm;

+ Xã là dự án điểm về phát triển kinh tế - xã hội (xã Krông Nô, huyện Lắk): tính 02 điểm.

+ Khoảng cách từ trung tâm huyện đến trung tâm xã: trên 10 km đến 20 km: tính 01 điểm, trên 20 km đến 30 km: tính 1,5 điểm, trên 30 km: tính 02 điểm;

+ Xã mới được bổ sung vào Chương trình 135 giai đoạn II hoặc xã đã thực hiện trong giai đoạn I nhưng thời gian dưới 03 năm: được tính 02 điểm;

- Xã thuộc khu vực II: trừ 01 điểm;

- Xã đã được đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã: trừ 02 điểm.

II. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư cho buôn, thôn đặc biệt khó khăn:

1. Các nội dung làm căn cứ phân bổ vốn đầu tư:

- Dân số trên địa bàn;

- Thành phần dân tộc cư trú;

- Tiêu chí đặc thù:

+ Khoảng cách từ trung tâm xã đến trung tâm buôn, thôn;

+ Các buôn, thôn thuộc địa bàn các huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh;

2. Xác định điểm chi tiết từng nội dung:

- Dân số trên địa bàn: có 200 người dân được tính 01 điểm, tăng thêm 50 người dân được cộng 0,1 điểm (lấy tròn theo 50 dân);

- Thành phần dân tộc: những buôn, thôn có 5% là dân tộc thiểu số được tính 0,1 điểm (5% ≈ 0,1; 10% ≈ 0,2; ...); trong số dân tộc thiểu số, có 5% là dân tộc thiểu số tại chỗ được cộng thêm 0,1 điểm (5% ≈ 0,1; 10% ≈ 0,2; ...);

- Tiêu chí đặc thù:

+ Buôn, thôn có khoảng cách từ trung tâm buôn, thôn đến trung tâm xã từ trên 5 km đến 8 km được tính 01 điểm, trên 8 km được tính 1,5 điểm.

+ Các buôn, thôn thuộc địa bàn các huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh được tính 0,5 điểm.

III. Vốn đầu tư hàng năm cho xã (buôn, thôn) theo tiêu chí như sau:

Vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của mỗi xã (buôn, thôn) trong năm kế hoạch bằng tổng số vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng được Trung ương phân bổ cho tỉnh trong năm kế hoạch chia cho tổng số điểm của tất cả các xã (buôn, thôn) thuộc Chương trình 135 cộng lại, sau đó nhân với điểm của xã (buôn, thôn) đó.

B. Tiêu chí phân bổ vốn hỗ trợ phát triển sản xuất:

I. Các nội dung làm căn cứ phân bổ vốn đầu tư:

1. Số hộ nghèo trên địa bàn;

2. Tỷ lệ dân tộc thiểu số và thành phần dân tộc cư trú;

3. Đặc thù:

- Xã, buôn, thôn thuộc địa bàn các huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh;

- Xã mới thực hiện Chương trình 135.

II. Cách tính vốn hỗ trợ cho từng xã (buôn, thôn):

1. Mức đầu tư theo đặc thù của xã (buôn, thôn):

- Mức đầu tư cố định cho xã (buôn, thôn) là 30% định mức đầu tư bình quân theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Xã (buôn, thôn) có từ 50% dân số là dân tộc thiểu số được cộng thêm 10%; trong số dân tộc thiểu số có từ 50% trở lên là dân tộc thiểu số tại chỗ được cộng thêm 10% định mức đầu tư bình quân theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Xã (buôn, thôn) thuộc địa bàn các huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh được cộng thêm 10% định mức đầu tư bình quân theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

+ Xã mới thực hiện Chương trình 135 được cộng thêm 10% định mức đầu tư bình quân theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Mức đầu tư theo số hộ nghèo:

Số kinh phí còn lại sau khi lấy tổng số kinh phí đầu tư của Trung ương trừ đi số kinh phí đã đầu tư cho các xã (buôn, thôn) ở mục 1 sẽ được chia cho tổng

số hộ nghèo của tất cả các xã (buôn, thôn) thuộc Chương trình 135 cộng lại; sau đó nhân với số hộ nghèo của từng xã (buôn, thôn) để được mức vốn hỗ trợ cho xã (buôn, thôn) đó.

3. Vốn đầu tư hàng năm cho xã, buôn, thôn theo tiêu chí như sau:

Vốn đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất của mỗi xã (buôn, thôn) trong năm kế hoạch bằng số vốn đầu tư cho xã (buôn, thôn) đó ở mục 1 cộng với số vốn đầu tư cho xã (buôn, thôn) đó ở mục 2.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại các kỳ họp; giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VII, kỳ họp thứ 10 thông qua ./.

CHỦ TỊCH

Niê Thuật

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục kiểm tra Văn bản- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH của tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, KH-ĐT;
- UBND các huyện, TP;
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.